

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HS-PT

Ngày: 25-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Nguyễn Văn Thuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2018/TLHS-PT ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2018/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đinh Thị T sinh năm 1966; có chồng Phạm Tuấn H sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2011; bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2017 đến ngày 23/6/2017 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh; hiện đang tại ngoại - Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Công ty L; địa chỉ trụ sở chính: Đường H, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Mộng T; chức vụ: Giám đốc Công ty L – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Tuấn H; địa chỉ: Thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

Anh Phạm Hồng S; địa chỉ: Thị trấn S, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc – Vắng mặt;

Anh Phạm Đức Q; địa chỉ: Thị trấn S, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc – Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là kế toán hợp đồng tại Công ty L, được phân công làm công tác kế toán kiêm thủ quỹ tại cửa hàng YAMAHA số 02 (địa chỉ: Thị trấn K, huyện Đ). Công việc chính của Nguyễn Thị T là thống kê số tiền thu chi hàng ngày của cửa hàng, vào cuối ngày chuyển số tiền tồn còn lại (sau khi trừ chi phí) vào tài khoản công ty; trường hợp ngày làm việc là thứ 7, chủ nhật thì sẽ chuyển tiền vào thứ 2 của tuần tiếp theo.

Trong quá trình làm việc, biết được Giám đốc Công ty L không thường xuyên kiểm tra, thanh tra nên từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2017 Nguyễn Thị T đã 03 lần lấy tiền của công ty do mình quản lý, cụ thể: Lần 01 là vào khoảng tháng 10/2016, Nguyễn Thị T lấy 30.000.000 đồng để mở quán bia hơi cho chồng là anh Phạm Tuấn H. Anh Phạm Tuấn H không biết nguồn gốc số tiền này. Lần 02: Ngày 17/10/2016, Nguyễn Thị T lấy 15.000.000 đồng gửi vào tài khoản Ngân hàng B mang tên Phạm Thị Minh H (chị gái của chồng Nguyễn Thị T) để nhờ anh trai chồng là Phạm Đức Q chuộc giấy phép lái xe cho anh Phạm Tuấn H tại Vĩnh Phúc. Lần 03: Ngày 09/01/2017, Nguyễn Thị T lấy 10.000.000 đồng gửi vào tài khoản Ngân hàng B mang tên anh trai chồng là Phạm Hồng S để mừng thọ cho bố chồng là ông Phạm Hồng Đ. Anh Phạm Hồng S không biết về nguồn gốc số tiền này. Ngoài ra, Nguyễn Thị T còn khai nhận khoảng đầu tháng 01/2017, khi đi chuyển tiền vào tài khoản của công ty, Nguyễn Thị T bị mất số tiền 267.000.000 đồng nhưng không báo sự việc này cho công ty biết.

Cách thức thực hiện: Nguyễn Thị T đã không thống kê toàn bộ số tiền khách hàng trả hàng ngày, mà thống kê qua những ngày kế tiếp để số tiền phải chuyển về công ty không vượt quá số tiền thực tế còn lại ở cửa hàng. Tuy nhiên đến ngày 06/02/2017, khi kế toán của công ty yêu cầu báo cáo số tiền thực tế còn tồn lại ở cửa hàng, Nguyễn Thị T mới kê khai sơ bộ số tiền thu chi của cửa hàng là khoảng 480.000.000 đồng, dù thực tế số tiền còn lại chỉ là 169.354.000 đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị T lấy số tiền 160.000.000 đồng chuyển vào tài khoản Ngân hàng B của Công ty L. Sau đó, Nguyễn Thị T về nhà, tắt điện thoại, khóa cửa phòng lại để tránh sự tìm kiếm của nhân viên công ty. Đến nửa đêm, Nguyễn Thị T điều khiển xe máy đến nhà chị Nguyễn Thị N là em gái của mình, cũng là nhân viên của cửa hàng và nói với Nguyễn Thị N là bị 02 người phụ nữ thôi miên lấy mất số tiền Nguyễn Thị T đi gửi cho công ty. Sau đó, Nguyễn Thị N

nói lại sự việc trên cho quản lý cửa hàng và giám đốc công ty biết. Ngày 07/02/2017, bà Lê Thị Mộng T có đơn trình báo Công an huyện Đắk R'Lấp yêu cầu làm rõ hành vi của Nguyễn Thị T, đề nghị Nguyễn Thị T trả lại số tiền trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã xác định Nguyễn Thị T chiếm đoạt của Công ty L số tiền 55.000.000 đồng và làm mất của công ty số tiền 267.000.000 đồng. Đối với số tiền 267.000.000 đồng: Nguyễn Thị T khai bị mất trộm vào khoảng đầu tháng 01/2017, tuy đã mở rộng điều tra nhưng không đủ cơ sở kết luận có vụ việc mất trộm xảy ra hay không. Như vậy, theo hợp đồng lao động với công ty thì Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm bồi thường lại cho công ty số tiền đã làm mất trong quá trình làm việc tại công ty; nếu không thì Công ty L có quyền khởi kiện ra Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Thị T đã nộp lại số tiền 55.000.000 đồng cho Công ty L, nhưng công ty không nhận. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã chuyển số tiền trên vào tài khoản tạm gửi của Cơ quan Thi hành án chờ xử lý theo quy định.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông quyết định: Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 năm 06 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 27/3/2017 đến ngày 23/6/2017).

Ngoài ra, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 15-8-2018, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp xử phạt về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo và căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T không bào chữa, tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nguyễn Thị T được tuyển dụng và giao nhiệm vụ làm kế toán kiêm thủ quỹ tại cửa hàng YAMAHA số 02 thuộc Công ty L. Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2016 đến tháng 01/2017, Nguyễn Thị T đã có hành vi không cập nhập chứng từ kế toán kịp thời và để ngoài sổ sách số tiền thu vào hàng ngày cũng như không báo cáo đúng thực tế số tiền thu được của công ty để chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng của công ty. Các chứng cứ buộc tội và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị T: Hành vi phạm tội của bị cáo bị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp xử phạt 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã cung cấp đơn xin xác nhận gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 23-8-2018 với nội dung bản thân bị cáo Nguyễn Thị T bị 02 lần tai nạn giao thông gãy tay, chân, đùi và chấn thương đầu, hiện nay sức khỏe vẫn chưa ổn định, phải thường xuyên đi khám; công việc của bị cáo không ổn định đang nuôi con nhỏ sinh năm 2011 do vợ chồng bị cáo đã ly thân và chồng bị cáo đã bỏ về quê, bị cáo có bác ruột ông Nguyễn Đức T là người có công với cách mạng. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy cần giữ nguyên mức hình phạt mà Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo và có căn cứ cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Về áp dụng pháp luật của Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm: Hội đồng xét xử Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy các quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tương đương với điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt và áp dụng điều luật đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (năm) 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- CA huyện Đắk R’Lấp;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- TAND huyện Đắk R’Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn K;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: THCTP, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Cảnh